



# TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2017

**Phiếu số 1A.9.1/TĐTKT-BDS**
**Mã số thuế**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

|  |  |  |
|--|--|--|
|  |  |  |
|--|--|--|

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN Năm 2016

*(Áp dụng cho các doanh nghiệp đơn/cơ sở hoạt động kinh doanh, tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất)*

**Tên doanh nghiệp đơn/cơ sở:** .....

*(Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu):* .....

**Địa chỉ:** .....

*CQ Thống kê ghi*

Tỉnh/thành phố trực thuộc TW: .....

|  |  |
|--|--|
|  |  |
|--|--|

Huyện/quận (thị xã, TP thuộc tỉnh) .....

|  |  |  |
|--|--|--|
|  |  |  |
|--|--|--|

**Ngành SXKD chính:** .....

|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

*(VSIC 2007-Cấp 5)*
**Loại hình cơ sở**

- |                                  |                                                        |
|----------------------------------|--------------------------------------------------------|
| 1. Doanh nghiệp đơn              | 3. Trụ sở chính có hoạt động SXKD                      |
| 2. Cơ sở trực thuộc doanh nghiệp | 4. Cơ sở SXKD trực thuộc cơ quan hành chính, sự nghiệp |

**Tổng số lao động thời điểm 01/01/2016:**

|  |
|--|
|  |
|--|

*Người*
*Trong đó: Nữ*

|  |
|--|
|  |
|--|

*Người*
**Tổng số lao động thời điểm 31/12/2016:**

|  |
|--|
|  |
|--|

*Người*
*Trong đó: Nữ*

|  |
|--|
|  |
|--|

*Người*

| Tên chỉ tiêu                                                                                                 | Mã số | Đơn vị tính | Thực hiện năm 2016 |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|--------------------|
| A                                                                                                            | B     | C           | 1                  |
| 1. Tổng doanh thu thuần                                                                                      | 01    | Triệu đồng  |                    |
| Chia ra:                                                                                                     |       |             |                    |
| 1.1. Doanh thu từ hoạt động tư vấn, môi giới bất động sản                                                    | 02    | "           |                    |
| 1.2. Doanh thu bán bất động sản                                                                              | 03    | "           |                    |
| - Doanh thu bán nhà chung cư                                                                                 | 04    | "           |                    |
| - Doanh thu bán đất nền và nhà ở khác                                                                        | 05    | "           |                    |
| - Doanh thu bán bất động sản dùng vào SXKD (văn phòng, nhà xưởng, trung tâm thương mại, gian hàng, ki-ốt...) | 06    | "           |                    |
| 1.3. Doanh thu cho thuê bất động sản                                                                         | 07    | "           |                    |
| - Doanh thu cho thuê văn phòng, nhà xưởng, trung tâm thương mại, gian hàng, ki-ốt, mặt bằng SXKD khác,...    | 08    | "           |                    |
| - Doanh thu cho thuê nhà ở, phòng trọ                                                                        | 09    | "           |                    |
| 1.4. Doanh thu kinh doanh bất động sản khác (ghi rõ...)                                                      | 10    | "           |                    |
| 2. Trị giá vốn bất động sản đã bán (tương ứng với doanh thu bán BDS mã 03)                                   | 11    | "           |                    |